TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**
2. Bà **Lương Thị Kim Vân**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 25/10 và 09/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 210a/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2018, giữa các Đ sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Ngọc Đ**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp 1, xã M L, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp 1, xã M L, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Đ có mặt, anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Bà và ông Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Th không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, say xỉn không quan tâm đến gia đình và vợ con. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Th vẫn không sửa đổi, hiện nay bà và ông Th đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do tình

cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Th Đ, sinh năm 1987, Nguyễn Th Đ, sinh năm 1988 và Nguyễn Th Đ, sinh năm 1990, hiện nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy chứng minh nhân dân của chị Đ (photo);
- 01 đơn xác nhận ngày 08/8/2018 của Nguyễn Ngọc Đ (bản chính);
- 03 giấy khai sinh con chung (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Đ về việc yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn"*.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M L, huyện Cao Lãnh, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Xét thấy, bị đơn là ông Nguyễn Văn Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy: Bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Nguyễn Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1986, nhưng bà Đ và ông Th không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 quy định "Trong trường hợp quan hệ vợ chồng Đ xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn;

trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung". Như vậy, hôn nhân giữa bà Đ và ông Th là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Còn đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Đ. Tại phiên tòa bà Đ thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện nay bà Đ và ông Th đã không còn sống chung và không còn quan tâm lẫn nhau. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu Đ ly hôn với ông Th là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về con chung: Bà Đ và ông Th có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Th Đ, sinh năm 1987, Nguyễn Th Đ, sinh năm 1988 và Nguyễn Th Đ, sinh năm 1990; hiện nay các con đã trưởng Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì bà Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng Đ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai số 0000568 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53 và 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 35/2000/NQ – QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Đ.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Th Đ, sinh năm 1987, Nguyễn Th Đ, sinh năm 1988 và Nguyễn Th Đ, sinh năm 1990; hiện nay các con đã trưởng Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai số 0000568 ngày 18/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh